

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thức	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Hồ Đắc Hậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Số: 496/2017/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 2 năm 2017, từ trang 4 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Xuân Trường
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 741/2013-072-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2017

Lương Giang Thạch
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.163.208.779.800	1.083.418.582.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	28.252.403.191	179.158.403.555
1. Tiền	111		27.007.265.251	3.229.949.292
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.245.137.940	175.928.454.263
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.001	161.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.001	161.001
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		739.263.203.204	457.347.668.753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	235.421.876.340	165.948.119.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	74.639.188.028	110.851.506.800
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	175.070.876.025	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	258.175.582.980	183.702.834.062
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.044.320.169)	(3.154.791.690)
IV. Hàng tồn kho	140		388.772.185.031	422.587.505.975
1. Hàng tồn kho	141	11	388.772.185.031	422.587.505.975
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.920.827.373	24.324.843.275
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	640.445.767	1.451.119.234
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.248.289.346	22.873.690.367
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		32.092.260	33.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.093.006.989	127.649.628.599
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.558.839.752	1.481.668.700
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	18.558.839.752	1.481.668.700
II. Tài sản cố định	220		44.121.146.227	37.070.096.696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	24.143.191.480	24.739.552.005
- Nguyên giá	222		65.917.225.724	58.866.107.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.774.034.244)	(34.126.555.326)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	19.855.671.319	12.156.410.000
- Nguyên giá	225		21.672.603.620	12.156.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.816.932.301)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	122.283.428	174.134.691
- Nguyên giá	228		942.857.143	918.607.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(820.573.715)	(744.472.686)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	5.284.084.812	5.284.084.812
- Nguyên giá	231		6.879.035.896	6.879.035.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.594.951.084)	(1.594.951.084)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		649.993.093	1.269.710.812
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		649.993.093	1.269.710.812
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	-	15.579.479.565
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.a	-	2.256.929.565
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.b	-	13.322.550.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.478.943.105	66.964.588.014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	29.452.765.968	20.348.664.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	4.825.804.238	3.921.389.198
5. Lợi thế thương mại	269	19	38.200.372.899	42.694.534.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.304.301.786.789	1.211.068.211.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		839.287.331.765	808.470.973.258
I. Nợ ngắn hạn	310		828.475.007.026	795.098.922.258
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	98.850.086.741	42.206.490.434
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	156.522.607.872	282.076.805.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	7.078.344.723	27.306.694.833
4. Phải trả người lao động	314		3.377.709.386	2.124.154.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	2.564.220.683	1.876.639.894
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	7.800.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	47.371.527.366	228.810.694.351
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26.a	504.910.510.255	210.331.288.363
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	366.154.178
II. Nợ dài hạn	330		10.812.324.739	13.372.051.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.b	10.812.324.739	13.372.051.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		465.014.455.024	402.597.237.900
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	465.014.455.024	402.597.237.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.491.138.089	1.846.985.965
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.123.316.935	350.251.935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	9.004.433.399
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.123.316.935	(8.654.181.464)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.304.301.786.789	1.211.068.211.158


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng





Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	828.202.138.682	1.177.999.905.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	328.561.969
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	828.202.138.682	1.177.671.343.180
4. Giá vốn hàng bán	11	29	732.337.721.712	1.034.629.534.858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.864.416.970	143.041.808.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	33.687.998.072	10.745.377.959
7. Chi phí tài chính	22	31	36.983.262.292	16.772.945.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.853.982.929	16.772.945.359
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	172.020.790
9. Chi phí bán hàng	25		76.534.443	221.183.460
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	31.033.814.498	21.042.569.651
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.458.803.809	115.922.508.601
12. Thu nhập khác	31	33	13.655.054.307	3.038.514.812
13. Chi phí khác	32	34	6.464.524.091	2.784.221.960
14. Lợi nhuận khác	40		7.190.530.216	254.292.852
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.649.334.025	116.176.801.453
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	14.666.366.186	27.918.284.498
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(904.415.040)	(3.921.389.198)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.887.382.879	92.179.906.153
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		54.887.382.879	92.179.906.153
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.370	2.145


Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017


Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng


Phạm Vũ Thứ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.649.334.025	116.176.801.453
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.765.986.192	8.658.030.238
Các khoản dự phòng	03	889.528.479	37.174.076
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.351.037.378)	(13.893.282.752)
Chi phí lãi vay	06	35.853.982.929	16.772.945.359
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.807.794.247	127.751.668.374
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(91.341.460.526)	(196.790.110.348)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	72.048.181.235	(267.755.767.612)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(74.210.721.334)	545.760.633.959
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(12.320.738.989)	34.780.412.712
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(40.267.554.904)	(10.960.932.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.251.339.440)	(7.099.677.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(108.535.839.711)	225.686.227.272

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.408.967.411)	(19.429.749.358)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.239.447.272	15.900.051.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(260.369.004.831)	(216.719.561.303)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	71.000.000.000	184.033.769.463
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.508.552.477)	(37.318.480.694)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.769.993.149	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.627.650.172	5.772.864.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.649.434.126)	(67.761.106.777)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.902.398.528.471	1.374.017.822.414
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.721.871.823.799)	(1.486.645.280.310)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.373.285.660)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(92.874.145.539)	(32.114.438.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	96.279.273.473	(144.741.896.105)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(150.906.000.364)	13.183.224.390
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	179.158.403.555	165.975.179.165
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.252.403.191	179.158.403.555



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017




Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng

Phạm Vũ Thúc
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, khai thác khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: thi công, xây dựng công trình giao thông đường bộ, kỹ thuật dân dụng, cho thuê máy móc, thiết bị; mua bán các loại vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 20 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thành lập Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C. Hoạt động chính của Công ty con là mua bán vật liệu xây dựng.

Trong năm Công ty đã mua lại 100% phần vốn của Công ty TNHH Xây dựng – Công nghiệp và Thương mại Toàn Phát Thịnh. Ngày 9 tháng 8 năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển đổi công ty này thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C và hoạt động chính là thi công xây dựng các công trình dân dụng.

Trong năm, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp trong công ty liên kết - Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 13 tháng 10 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của phần mềm máy tính và quyền khai thác khoáng sản. Trong đó, phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm. Quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà Công ty được quyền khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư thì không được trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa duy tu mở khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	89.902.915	61.972.776
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.917.362.336	3.167.976.516
Các khoản tương đương tiền	1.245.137.940	175.928.454.263
Cộng	28.252.403.191	179.158.403.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	73.620.073.257	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	49.018.200.071	-
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	17.579.940.802	21.511.388.527
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	15.108.389.255	24.076.155.561
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại 592	7.002.023.268	-
Ban Quản lý Dự án Giao thông Nông thôn Vĩnh Long	6.359.003.754	6.359.003.754
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	2.944.761.390	8.540.560.184
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	666.037.105	81.378.567.443
Phải thu các khách hàng khác	63.123.447.438	24.082.444.112
Cộng	235.421.876.340	165.948.119.581

Trong đó, phải thu các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	73.620.073.257	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	49.018.200.071	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	666.037.105	21.511.388.527
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Cộng	125.060.295.617	21.987.084.717

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	32.239.580.759	11.732.492.795
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	26.927.270.540	28.476.592.000
Công ty Cổ phần Tư vấn & Kiểm định Xây dựng	-	31.940.876.020
Công ty CP TM-XD Vạn Phúc Khang	-	29.740.678.000
Các đối tượng khác	15.472.336.729	8.960.867.985
Cộng	74.639.188.028	110.851.506.800

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	2.553.351.450	1.919.386.070
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35.550.000	35.550.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	266.997.830
Cộng	2.588.901.450	2.221.933.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh	175.070.876.025	-

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 với hạn mức hỗ trợ là 200 tỷ VND. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cao nhất trong năm của tổ chức tín dụng mà Công ty có giao dịch vay. Lãi suất được hưởng hiện tại là 7,5%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	158.842.137.707	58.197.291.246
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
Các khoản chi hộ	7.387.740.349	-
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ	1.614.615.226	1.215.640.500
thuê tài chính	1.091.362.698	19.978.897.930
Góp vốn hợp tác kinh doanh	1.450.560.506	17.329.970.975
Ký cược, ký quỹ	1.103.279.612	2.143.694.719
Phải thu người lao động	-	1.130.165.684
Phải thu về lãi tiền gửi	23.520.000	23.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	8.662.366.882	5.683.653.008
Các khoản phải thu khác	258.175.582.980	183.702.834.062
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	18.558.839.752	1.481.668.700
	18.558.839.752	1.481.668.700
Cộng	276.734.422.732	185.184.502.762
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
	78.000.000.000	78.000.000.000

(i) Đây là khoản thanh toán trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII để mua 7.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia theo hợp đồng đặt mua cổ phần đã ký kết vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HA TĂNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU

Nội dung	31/12/2016		01/01/2016		Thời gian quá hạn	ĐỐI TƯỢNG NỢ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu tiền bán hàng	1.743.198.547	-	1.743.198.547	-	>3 năm	Ông Trần Công Hiện
Phải thu giá trị thi công	1.234.021.590	-	1.234.021.590	-	>3 năm	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 8
Phải thu giá trị thi công	257.385.076	77.215.523	257.385.076	79.813.523	1-2 năm	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Hóc Môn
Phải thu giá trị thi công	1.267.043.542	380.113.063	1.267.043.542	1.267.043.542	2-3 năm	Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 3
Phải thu giá trị thi công công trình	-	-	5.195.999	5.195.999	1-2 năm	Ban Quản lý các Dự án và Xây dựng Chuyên ngành Giao thông
Cộng	4.501.648.755	457.328.586	4.506.844.754	1.352.053.064		
Giá trị đã lập dự phòng		4.044.320.169		3.154.791.690		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.821.536.953	-	25.711.712.729	-
Công cụ, dụng cụ	11.091.534.468	-	407.697.408	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	276.668.597.557	-	392.830.480.049	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	58.365.807.525	-	564.852.355	-
Thành phẩm	2.824.708.528	-	2.752.550.616	-
Hàng hóa	-	-	308.591.336	-
Hàng gửi bán	-	-	11.621.482	-
Cộng	388.772.185.031	-	422.587.505.975	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	599.224.867	1.090.195.315
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	41.220.900	41.220.900
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	77.156.366
Chi phí bảo hiểm	-	242.546.653
	640.445.767	1.451.119.234
b. Dài hạn		
Chi phí đền bù và trùng tu mỏ khoáng sản	11.074.144.381	8.776.355.353
Chi phí thuê tài sản chờ phân bổ	9.701.700.418	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.519.597.143	7.061.030.411
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	3.007.519.091	4.511.278.636
Chi phí khác chờ phân bổ	1.149.804.935	-
	29.452.765.968	20.348.664.400
Cộng	30.093.211.735	21.799.783.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2016	7.134.773.509	37.181.179.933	13.707.924.889	842.229.000	58.866.107.331				
Mua trong năm	167.034.535	2.338.713.618	839.719.258	303.500.000	3.648.967.411				
Điều chỉnh từ công cụ dụng cụ	-	4.027.310.888	-	-	4.027.310.888				
Tăng do hợp nhất	-	6.489.827.500	-	-	6.489.827.500				
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(286.363.636)	(5.800.302.597)	(360.000.000)	-	(6.446.666.233)				
Giảm khác	-	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)				
Tại ngày 31/12/2016	7.015.444.408	43.568.408.169	14.187.644.147	1.145.729.000	65.917.225.724				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Tại ngày 01/01/2016	4.197.366.454	22.644.834.376	6.684.655.331	599.699.165	34.126.555.326				
Khấu hao trong năm	535.473.140	4.678.176.797	1.757.855.379	177.462.803	7.148.968.119				
Tăng do hợp nhất	-	3.211.357.902	-	-	3.211.357.902				
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(1.961.942.597)	(82.583.333)	-	(2.044.525.930)				
Giảm khác	-	(668.321.173)	-	-	(668.321.173)				
Tại ngày 31/12/2016	4.732.839.594	27.904.105.305	8.359.927.377	777.161.968	41.774.034.244				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 01/01/2016	2.937.407.055	14.536.345.557	7.023.269.558	242.529.835	24.739.552.005				
Tại ngày 31/12/2016	2.282.604.814	15.664.302.864	5.827.716.770	368.567.032	24.143.191.480				

Nguyên giá và khấu hao lũy kế của tài sản tăng do hợp nhất thể hiện số dư tài sản tại ngày kiểm soát của các công ty con được mua trong năm. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 21.058.594.924 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 24.576.962.36 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng. Nguyên giá của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15.247.927.044 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 5.099.300.233 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	12.156.410.000
Thuê trong năm	9.516.193.620
Tại ngày 31/12/2016	21.672.603.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	1.816.932.301
Tại ngày 31/12/2016	1.816.932.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	12.156.410.000
Tại ngày 31/12/2016	19.855.671.319

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	175.750.234	742.857.143	918.607.377
Mua trong năm	40.000.000	-	40.000.000
Thanh lý	(15.750.234)	-	(15.750.234)
Tại ngày 31/12/2016	200.000.000	742.857.143	942.857.143
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	80.782.208	663.690.478	744.472.686
Khấu hao trong năm	41.851.259	50.000.004	91.851.263
Thanh lý	(15.750.234)	-	(15.750.234)
Tại ngày 31/12/2016	106.883.233	713.690.482	820.573.715
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	94.968.026	79.166.665	174.134.691
Tại ngày 31/12/2016	93.116.767	29.166.661	122.283.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	5.836.987.368	1.042.048.528	6.879.035.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
Trích khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	839.830.635	755.120.449	1.594.951.084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812
Tại ngày 31/12/2016	4.997.156.733	286.928.079	5.284.084.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Cộng	- - -	- - -	1.960.000.000 1.960.000.000	296.929.565 296.929.565
		Giá trị hợp lý VND		Giá trị hợp lý VND

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm Cộng	- - -	- - -	13.322.550.000 13.322.550.000	- - -
		Giá trị hợp lý VND		Giá trị hợp lý VND

Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn, việc chuyển nhượng các khoản đầu tư này nhằm mục đích cơ cấu lại danh mục đầu tư và đã mang lại cho Công ty một khoản lợi nhuận là 2.190.513.584 VND (xem Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	22%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(3.921.389.198)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.921.389.198
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(904.415.040)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.825.804.238
Thu nhập thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(904.415.040)

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-
Tặng do mua công ty con trong năm	44.941.615.175
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(2.247.080.759)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	42.694.534.416
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-
Tặng do mua công ty con trong năm	(4.494.161.517)
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(4.494.161.517)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	38.200.372.899

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	27.848.550.885	27.848.550.885	2.153.003.030	2.153.003.030
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	12.503.702.630	12.503.702.630	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng BMT	6.620.111.558	6.620.111.558	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	6.092.689.472	6.092.689.472	-	-
Chi nhánh Cty TNHH MTV Xây Lắp Điện 2	3.497.382.059	3.497.382.059	779.724.227	779.724.227
Công ty Cổ Phần ROADCO	3.390.807.713	3.390.807.713	16.781.679.941	16.781.679.941
Công ty TNHH XD Sài Gòn Phát Thành Đạt	-	-	5.201.848.850	5.201.848.850
Các nhà cung cấp khác	38.896.842.424	38.896.842.424	17.290.234.386	17.290.234.386
Cộng	98.850.086.741	98.850.086.741	42.206.490.434	42.206.490.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	12.503.702.630	12.503.702.630	-	-

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	117.284.531.428	269.600.603.797
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	113.777.119.094	199.988.667.473
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	3.507.412.334	24.303.171.783
<i>Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn</i>	-	45.308.764.541
Công ty TNHH Phú Cường	29.770.721.540	-
Các đối tượng khác	9.467.354.904	12.476.201.739
Cộng	156.522.607.872	282.076.805.536

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.235.016.309	4.265.460.273	4.948.309.709	1.552.166.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.644.455.423	14.666.366.186	33.251.339.440	4.059.482.169
Thuế thu nhập cá nhân	272.473.035	921.790.625	514.664.895	679.598.765
Thuế nhà thầu	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	2.154.750.066	7.401.020.226	8.768.673.376	787.096.916
Cộng	27.306.694.833	27.254.637.310	47.482.987.420	7.078.344.723

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.483.386.683	579.352.438
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh khác	1.080.834.000	1.297.287.456
Cộng	2.564.220.683	1.876.639.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư cuối kỳ của khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện giá trị cổ tức năm 2015 được nhận từ khoản đầu tư vào công ty con trong tương lai - Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia. Ngày 17 tháng 10 năm 2014, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc đặt mua cổ phần công ty này như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.a và sẽ nhận chuyển nhượng sau 3 năm kể từ ngày đặt cọc. Khi đến hạn chuyển nhượng, khoản cổ tức này sẽ được giảm trừ vào giá gốc khoản đầu tư vì đây là lợi ích Công ty nhận được trước khi bắt đầu đầu tư vào công ty con.

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	50.450.820	159.811.306
Bảo hiểm xã hội	1.710.571.660	1.103.175.970
Bảo hiểm y tế	112.181.225	63.678.416
Bảo hiểm thất nghiệp	57.466.588	70.264.498
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.406.557	92.162.989.206
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	42.141.584.018	17.889.964.092
Phải trả về mua cổ phần	1.410.000.000	-
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	-	109.493.706.786
Phải trả lãi vay	-	5.317.606.220
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.807.866.498	2.549.497.857
Cộng	47.371.527.366	228.810.694.351

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
185 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Ngắn hạn						
Các khoản vay ngắn hạn	498.256.256.672	498.256.256.672	1.160.498.528.471	872.573.560.162	210.331.288.363	210.331.288.363
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (i)	290.612.318.761	290.612.318.761	511.143.958.763	316.709.645.780	96.178.005.778	96.178.005.778
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (ii)	137.737.409.423	137.737.409.423	349.890.141.303	311.306.014.465	99.153.282.585	99.153.282.585
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (iii)	60.000.000.000	60.000.000.000	102.518.200.000	57.518.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (iv)	9.906.528.488	9.906.528.488	24.124.865.838	14.218.337.350	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	153.486.869.418	153.486.869.418	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	-	-	15.417.993.149	15.417.993.149	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	-	-	3.916.500.000	3.916.500.000	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	6.654.253.583	6.654.253.583	-	-	-	-
Cộng	504.910.510.255	504.910.510.255	1.160.498.528.471	872.573.560.162	210.331.288.363	210.331.288.363
b. Dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	17.466.578.322	17.466.578.322	10.467.812.982	6.373.285.660	13.372.051.000	13.372.051.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(6.654.253.583)	(6.654.253.583)	-	-	-	-
Cộng	10.812.324.739	10.812.324.739	10.467.812.982	6.373.285.660	13.372.051.000	13.372.051.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 15 tháng 1 năm 2016 với hạn mức vay ngắn hạn là 300.000.000.000 VND và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VND. Kỳ hạn của các khoản vay là từ dưới 6 tháng. Lãi suất vay cho các khoản vay còn nợ tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính trong khoảng 6%-7,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và thực hiện bảo lãnh thi công các công trình xây dựng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; hệ thống đúc hàng; xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2; xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 4 năm 2016 với hạn mức vay là 150.000.000.000 VND. Kỳ hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay còn dư nợ là 7,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 8 năm 2016 với hạn mức vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng. Số dư nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 5 năm 2017. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho số dư nợ vay là 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là để bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay này.

(iv) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với hạn mức vay là 10.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi các tài sản của Công ty gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn được trình bày tại thuyết minh số 13, 14 và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Khoản vay này chịu lãi suất 7%/năm. Thời hạn vay của từng kế ước nhận nợ là 4 tháng tính từ ngày giải ngân của mỗi kế ước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	538.776.665	402.785.762.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	92.179.906.153	92.179.906.153
Tặng khác	-	-	-	124.908.775	124.908.775
Chia cổ tức	-	-	-	(92.159.924.037)	(92.159.924.037)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(366.159.453)	(366.159.453)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	32.743.832	32.743.832
Tại ngày 01/01/2016	400.000.000.000	400.000.000	1.846.985.965	350.251.935	402.597.237.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.887.382.879	54.887.382.879
Tặng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	(723.118.446)	(723.118.446)
Thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	(350.666.666)	(350.666.666)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.396.380.643)	(6.396.380.643)
Trích các quỹ trong năm	-	-	4.644.152.124	(4.644.152.124)	-
Tại ngày 31/12/2016	415.000.000.000	400.000.000	6.491.138.089	43.123.316.935	465.014.455.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	49.00%	203,350,000,000	99.54%	398,151,120,000
Các cổ đông khác	51.00%	211,650,000,000	0.46%	1,848,880,000
Cộng	100%	415,000,000,000	100%	400,000,000,000

Cổ phần

	31/12/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41.500.000	40.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41.500.000	40.000.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	40.000.000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.500.000	40.000.000
+ Cổ phần phổ thông	41.500.000	40.000.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	718.551.321.035	1.113.236.880.703
Doanh thu bán hàng	92.972.435.262	64.153.815.630
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.678.382.385	609.208.816
Cộng	828.202.138.682	1.177.999.905.149
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	-	(328.561.969)
Doanh thu thuần	828.202.138.682	1.177.671.343.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

Trong năm, doanh thu phát sinh từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh: <i>Khối lượng thi công các đợt thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	243.341.448.631	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2</i>	153.829.416.261	452.503.380.953
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn: <i>Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Củ Chi</i>	127.830.886.764	292.537.663.814
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	124.125.347.052	40.099.614.355
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	44.562.000.065	-
Cộng	296.518.233.881	332.637.278.169

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	643.144.944.702	965.791.954.399
Giá vốn hàng đã bán	75.953.990.062	68.718.764.196
Giá vốn của dịch vụ	13.238.786.948	118.816.263
Cộng	732.337.721.712	1.034.629.534.858

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.584.067.488	10.510.177.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	294.000.000	235.200.000
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	4.619.417.000	-
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	2.190.513.584	-
Cộng	33.687.998.072	10.745.377.959

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	2.824.029.133	368.498.395
Cộng	2.824.029.133	368.498.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	35.853.982.929	16.772.945.359
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1.129.279.363	-
Cộng	36.983.262.292	16.772.945.359

Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	9.531.942.201	6.093.196.801
---	---------------	---------------

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.541.907.191	8.995.529.344
Chi phí đồ dùng văn phòng	407.314.428	274.476.431
Chi phí khấu hao	806.221.522	1.390.540.586
Chi phí công tác, tiếp khách	2.933.632.419	-
Chi phí dự phòng	886.930.480	51.477.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.727.010.525	6.802.241.479
Chi phí bằng tiền khác	1.236.636.416	1.281.224.037
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.517	2.247.080.759
Cộng	31.033.814.498	21.042.569.651

33. THU NHẬP KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	10.785.927.008	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.837.306.969	2.850.975.228
Xử lý các khoản nợ phải trả	31.820.330	4.623.457
Thu nhập khác	-	182.916.127
Cộng	13.655.054.307	3.038.514.812

34. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	2.324.786.831	1.614.455.471
Các khoản phạt vi phạm hành chính khác	65.815.710	224.561.776
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	2.638.360.000	611.092.193
Hoàn nhập khoản phạt trong năm trước	(279.305.771)	-
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	1.714.867.321	334.112.520
Cộng	6.464.524.091	2.784.221.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.649.334.025	116.176.801.453
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	3.847.674.077	929.547.404
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.517	2.247.080.759
Lợi nhuận tính thuế của công ty con trước khi mua	-	(1.907.919.722)
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	6.653.735.185	17.824.496.355
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(10.785.927.008)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.192.722.771)	(235.200.000)
Thu nhập chịu thuế	67.666.255.025	135.034.806.249
Chuyên lỗ	-	(11.650.917.964)
Thu nhập tính thuế	67.666.255.025	123.383.888.285
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp	13.533.251.005	27.144.455.423
Thuế TNDN năm trước nộp bổ sung	1.133.115.181	773.829.075
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.666.366.186	27.918.284.498

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	54.887.382.879	92.179.906.153
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.293.242.973)	(6.396.380.643)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.594.139.906	85.783.525.510
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	40.053.967	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.370	2.145

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	359.157.671.002	536.786.196.415
Chi phí nhân công	53.183.714.014	39.819.225.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.814.005.408	6.221.863.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.089.951.251	612.176.399.324
Chi phí bằng tiền khác	10.286.930.462	5.057.551.068
Cộng	781.532.272.137	1.200.061.236.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	515.722.834.994	333.197.046.149
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(203.323.279.216)	(179.158.403.555)
Nợ thuần	312.399.555.778	154.038.642.594
Vốn chủ sở hữu	465.014.455.024	402.597.237.900
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	67%	38%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.252.403.191	179.158.403.555
Phải thu khách hàng	233.120.754.718	164.536.526.438
Phải thu về cho vay	175.070.876.025	-
Phải thu khác	107.786.649.838	123.627.876.297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	15.579.479.565
Cộng	544.230.844.773	482.902.446.856
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	515.722.834.994	333.197.046.149
Phải trả người bán	98.850.086.741	42.206.490.434
Các khoản phải trả khác	1.889.273.055	100.030.093.283
Chi phí phải trả	2.564.220.683	1.876.639.894
Cộng	619.026.415.473	477.310.269.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các đơn vị cùng chung tập đoàn. Các khách hàng khác hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	28.252.403.191	-	-	28.252.403.191
Phải thu khách hàng	233.120.754.718	-	-	233.120.754.718
Phải thu về cho vay	175.070.876.025	-	-	175.070.876.025
Phải thu khác	89.227.810.086	18.558.839.752	-	107.786.649.838
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	525.672.005.021	18.558.839.752	-	544.230.844.773
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	504.910.510.255	10.812.324.739	-	515.722.834.994
Phải trả người bán	98.850.086.741	-	-	98.850.086.741
Các khoản phải trả khác	1.889.273.055	-	-	1.889.273.055
Chi phí phải trả	2.564.220.683	-	-	2.564.220.683
Cộng	608.214.090.734	10.812.324.739	-	619.026.415.473
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.542.085.713)	7.746.515.013	-	(74.795.570.700)
Tại ngày 01/01/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	179.158.403.555	-	-	179.158.403.555
Phải thu khách hàng	164.536.526.438	-	-	164.536.526.438
Phải thu khác	122.146.207.597	1.481.668.700	-	123.627.876.297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	15.579.479.565	15.579.479.565
Cộng	465.841.298.591	1.481.668.700	15.579.479.565	482.902.446.856
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	333.197.046.149	-	-	333.197.046.149
Phải trả người bán	42.206.490.434	-	-	42.206.490.434
Các khoản phải trả khác	100.030.093.283	-	-	100.030.093.283
Chi phí phải trả	1.876.639.894	-	-	1.876.639.894
Cộng	477.310.269.760	-	-	477.310.269.760
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.468.971.169)	1.481.668.700	15.579.479.565	5.592.177.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mặc dù chênh lệch thanh khoản thuần của các công cụ tài chính có kỳ hạn dưới 1 năm bị âm nhưng với tiến độ thi công và thanh toán khối lượng hoàn thành từ các chủ đầu tư hiện tại, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

Tên	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể (Trước ngày 30 tháng 12 năm 2016 là Công ty mẹ của Công ty)
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch làm phát sinh các khoản doanh thu và chi phí đã được trình bày tại các Thuyết minh tương ứng ở trên, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Chia cổ tức cho nhà đầu tư</i>	717.817.241	91.735.902.349
<i>Thanh toán cổ tức trong năm</i>	92.453.719.590	31.852.089.600
<i>Nhận hỗ trợ vốn</i>	741.900.000.000	872.718.116.205
<i>Hoàn trả vốn hỗ trợ</i>	849.121.097.268	867.224.409.419
<i>Thanh toán chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	14.849.548.421	245.250.000
<i>Hỗ trợ vốn kinh doanh</i>	260.369.004.831	68.147.910.400
<i>Thu hồi vốn hỗ trợ kinh doanh</i>	68.296.016.485	68.147.910.400
<i>Nhận thanh toán tiền thi công dự án Thủ Thiêm</i>	181.464.045.114	200.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG <i>Thu tiền tạm ứng thi công DA DT741</i>	3.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận <i>Nhận thanh toán khối lượng thi công công trình</i>	246.648.964.971	576.038.839.889
Công ty Cổ Phần Cơ khí Điện Lữ Gia <i>Chi phí thi công hệ thống an toàn giao thông</i>	16.641.464.545	-
<i>Tạm ứng vốn thi công</i>	18.939.576.380	1.919.386.070
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn <i>Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi</i>	33.263.698.670	367.100.194.736
<i>Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi theo quyết toán giai đoạn 1</i>	11.578.561.026	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro <i>Nhập kho ống và phụ kiện</i>	29.041.217.247	117.004.662.343
<i>Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2</i>	22.941.636.342	117.271.660.173
<i>Thu lại tiền mua ống và phụ kiện</i>	3.766.997.830	-

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	2.378.590.856	1.716.983.960

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

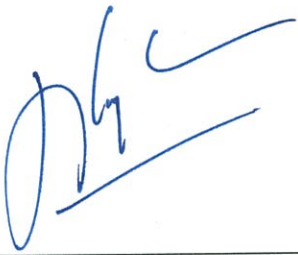
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. SỰ KIỆN SAU NIÊN ĐỘ

Theo kế hoạch được đã được Đại hội Cổ đông bất thường thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2016, trong năm 2017 Công ty sẽ niêm yết toàn bộ cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang hoàn tất hồ sơ để đệ trình lên Sở Giao dịch chứng khoán.



Nguyễn Thị Khánh Phương
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 2 năm 2017



Lưu Hải Ca
Kế toán trưởng

Phạm Vũ Thức
Tổng Giám đốc